

Số: /BC-UBTVQH15Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023**Dự thảo ngày 14/04/2023**

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình và chỉnh lý
dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội.

Tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), có **77** lượt đại biểu Quốc hội (ĐBQH) phát biểu ý kiến ở Tổ và **15** lượt ĐBQH phát biểu ý kiến tại Hội trường. Đa số ý kiến ĐBQH tán thành về sự cần thiết ban hành Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (dự án Luật) và cơ bản nhất trí với nhiều nội dung của dự án Luật.

Ngay sau kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT) chủ trì, phối hợp với cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan quán triệt, bám sát các mục tiêu chính sách, quan điểm và yêu cầu đối với dự án Luật đã trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4; tổng hợp, nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Luật theo ý kiến của các vị ĐBQH; tiếp tục tổ chức hội thảo, tọa đàm để có thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện dự thảo Luật, nhất là những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Ngày 15/02/2023, tại phiên họp thứ 20, UBTVQH đã cho ý kiến về dự thảo Luật. Ngày 06/4/2023, tại Hội nghị Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách cũng đã cho ý kiến đối với dự thảo Luật¹. Tại văn bản số 110/CP-PL ngày 07/4/2023, Chính phủ cũng đã thống nhất với ý kiến của UBTVQH² và đề xuất của Ủy ban KH,CNMT³ đối với quy định 03 vấn đề: (1) Về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (Điều 26); (2) về dịch vụ tin cậy (Điều 29); (3) về tài khoản định danh điện tử (Điều 48 và khoản 3 Điều 49).

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH và các ý kiến tại hội nghị, UBTVQH chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo và một số cơ quan có liên quan phối hợp tiếp thu, chỉnh lý, dự thảo Luật. Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung **31** Điều⁴ về nội dung; sửa đổi, bổ sung **09** Điều⁵ về kỹ thuật; bãi bỏ một số quy định tại **05** Điều⁶ và bỏ **03** Điều⁷. Đồng thời bãi bỏ **02** Điều của Luật Công nghệ

¹ 05 lượt ĐBQH phát biểu ý kiến.

² Thông báo số 2034/TB-TTKQH ngày 01 tháng 3 năm 2023.

³ Công văn số 1278/UBKHCMNT15 ngày 15 tháng 3 năm 2023.

⁴ Sửa đổi, bổ sung về nội dung tại 30 Điều (Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 14, 15, 17, 19, 21, 22, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 34, 35, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 53); bổ sung 02 khoản (Khoản 1 Điều 53 và khoản 3 Điều 54 dự thảo Luật).

⁵ Điều 9, 12, 15, 18, 24, 32, 36, 43, 44 dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) trình Quốc hội tháng 5/2022.

⁶ Khoản 4 Điều 7, Khoản 2 Điều 10, Khoản 2, Khoản 3 Điều 11, Khoản 4 Điều 29, Khoản 2 Điều 33 dự thảo Luật.

⁷ Điều 46, Điều 48, Điều 52.

thông tin⁸; sửa đổi 01 ngành nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư; sửa đổi 01 tên phí thuộc Danh mục Phí, Lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và Lệ phí; thay thế cụm từ “*chữ ký số chuyên dùng Chính phủ*” bằng cụm từ “*chữ ký số chuyên dùng công vụ*” tại Điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và thay thế cụm từ “*hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng*” bằng cụm từ “*hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ*” tại khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử (GDĐT).

UBTVQH xin báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật này như sau:

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

- Đa số ý kiến cho rằng việc ban hành dự thảo Luật là phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, định hướng xây dựng pháp luật của Quốc hội khóa XV. Nhiều ý kiến đề nghị rà soát, nghiên cứu bảo đảm sự tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; loại bỏ tối đa sự trùng lặp, chồng chéo giữa dự thảo Luật với các luật khác.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo tiếp thu và rà soát kỹ lưỡng các văn bản quy phạm pháp luật (26 Luật, 113 văn bản quy định chi tiết) và Điều ước quốc tế (09 văn bản) liên quan đến dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Đồng thời, đã chỉ đạo rà soát cẩn trọng, toàn diện để hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, không làm phát sinh thêm các thủ tục hành chính, gây khó khăn, cản trở khi thực hiện GDĐT.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm xây dựng luật của các nước phát triển và một số nước tương đồng với Việt Nam để giải trình phạm vi điều chỉnh cho phù hợp.

Đối với vấn đề này, UBTVQH nhận thấy Tờ trình của Chính phủ, Báo cáo rà soát pháp luật và các điều ước quốc tế, Báo cáo kinh nghiệm quốc tế đã trình bày chi tiết kinh nghiệm của các nước phát triển và một số nước tương đồng với Việt Nam về phạm vi điều chỉnh. Các nghiên cứu này đã được thể hiện và đề xuất quy định trong dự thảo Luật⁹.

2. Về hồ sơ dự án Luật

Có ý kiến cho rằng trong báo cáo tổng kết thực hiện Luật hiện hành, số liệu cũ, chưa được cập nhật. Có ý kiến đề nghị bổ sung dự thảo văn bản hướng dẫn Luật.

⁸ Điều 58, Điều 59.

⁹ Cụ thể: “Một số quốc gia cũng không có quy định các lĩnh vực loại trừ (Hàn Quốc, Indonesia, Philippines,...), có quốc gia chỉ nêu các trường hợp loại trừ ở các văn bản dưới luật nhằm dễ dàng thay đổi khi điều kiện thực tiễn cho phép (Thái Lan), có quốc gia đã thu hẹp phạm vi các lĩnh vực loại trừ trong Luật (Singapore).”

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo tiếp thu, rà soát và cập nhật số liệu trong báo cáo tổng kết thực hiện Luật hiện hành; đã chỉ đạo bổ sung dự thảo Nghị định quy định chi tiết được quy định trong Luật thuộc thẩm quyền Chính phủ.

II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về những quy định chung

1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Đa số ý kiến nhất trí với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh và không áp dụng một số trường hợp loại trừ. Một số ý kiến tán thành việc mở rộng phạm vi điều chỉnh nhưng đề nghị cân nhắc lộ trình thực hiện để đảm bảo tính khả thi. Có ý kiến đề nghị nên hạn chế phạm vi điều chỉnh mở rộng đối với các lĩnh vực đất đai, thừa kế, ly hôn, kết hôn, khai sinh... Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định cụ thể, rõ ràng các giao dịch điện tử trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh... Có ý kiến đề nghị nghiên cứu thể hiện lại Điều 1 để bảo đảm dễ hiểu, đúng phạm vi điều chỉnh hơn.

Về những ý kiến nêu trên, UBTVQH xin báo cáo như sau:

Theo Tờ trình của Chính phủ, việc mở rộng phạm vi điều chỉnh như quy định trong dự thảo Luật dựa trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ... tại Việt Nam hiện đã sẵn sàng¹⁰, đảm bảo an toàn, tin cậy. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch có quyền lựa chọn về công nghệ, phương tiện điện tử... để thực hiện giao dịch. Đồng thời, dự thảo Luật đã bổ sung các quy định pháp lý về thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy trong GDĐT, giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, GDĐT trong cơ quan nhà nước... Hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan đã cơ bản được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho phép các lĩnh vực đủ điều kiện có thể thực hiện GDĐT.

Thực tiễn Việt Nam cho thấy, một số lĩnh vực loại trừ áp dụng trong phạm vi điều chỉnh của Luật GDĐT năm 2005 hiện đã được triển khai GDĐT một phần như đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn đã có dịch vụ công trực tuyến tại nhiều địa phương... Các dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, ngành, địa phương cung cấp đang được tích cực triển khai theo hướng khép kín toàn bộ quá trình dịch vụ từ đầu đến cuối (toàn trình). Hơn nữa, việc chuyển đổi số đang được đẩy mạnh trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội theo chủ trương, chính sách của Đảng¹¹ và Nhà nước.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam (In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin...) và một số quốc gia khác cũng không hạn chế phạm vi điều chỉnh trong luật; có quốc gia chỉ quy định một số lĩnh vực

¹⁰ Giao dịch điện tử đã và đang thực hiện phổ biến trong tất cả các lĩnh vực, hoạt động đời sống kinh tế, xã hội. Với sự phát triển của khoa học công nghệ, chữ ký số khó giả mạo hơn chữ ký tay; nhận dạng khuôn mặt bằng máy chính xác hơn nhận dạng khuôn mặt bằng mắt thường; dữ liệu số trở thành cốt lõi và hệ thống thông tin, nền tảng số đã sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu đặt ra đối với GDĐT...

¹¹ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

loại trừ áp dụng GDDT ở các văn bản dưới luật nhằm dễ dàng thay đổi khi điều kiện cho phép (Thái Lan).

Đối với ý kiến đề nghị quy định cụ thể, rõ ràng các GDDT trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh để bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức thực hiện, UBTVQH nhận thấy Luật GDDT (sửa đổi) chỉ quy định về những thành tố cơ bản có giá trị pháp lý sử dụng để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, không quy định về nội dung, hình thức, điều kiện của từng loại GDDT thuộc các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Giao dịch trong lĩnh vực nào sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành của lĩnh vực đó.

Do đó, UBTVQH đề nghị Điều 1 dự thảo Luật được chỉnh lý như sau:

“1. Luật này quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử.

2. Luật này không quy định về nội dung, điều kiện, hình thức của giao dịch. Trường hợp Luật khác không quy định thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử thì tuân thủ theo quy định của Luật đó.”.

1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

Một số ý kiến đề nghị mở rộng đối tượng áp dụng như cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức, cá nhân có liên quan đến GDDT.

UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về đối tượng áp dụng của dự thảo Luật cho phù hợp với khoản 1 Điều 155 (Hiệu lực về không gian) của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, chỉnh lý Điều 2 dự thảo Luật như sau: *“Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến giao dịch điện tử”.* Quy định như vậy đảm bảo bao quát được mọi tổ chức, cá nhân, không phân biệt trong nước, ngoài nước khi trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến GDDT.

1.3. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Một số ý kiến cho rằng trong dự thảo Luật có nhiều thuật ngữ khó hiểu, do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh lý, giải thích thuật ngữ để dễ hiểu hơn. Có ý kiến đề nghị bổ sung giải thích một số thuật ngữ.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, bổ sung, thể hiện lại một số thuật ngữ trong dự thảo Luật (Điều 3) để đảm bảo dễ hiểu hơn, như: *“Chữ ký điện tử dùng riêng”*; *“Chữ ký số chuyên dùng công vụ”*; *“Chữ ký số công cộng”*; *“Chứng thư điện tử”*; *“Chữ ký điện tử nước ngoài”*; *“Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ”*; *“Chứng thư chữ ký số công cộng”*; *“Dữ liệu chủ”*; *“Cơ sở dữ liệu”*.

1.4. Về nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử (Điều 4)

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích của các bên tham gia giao dịch, bổ sung quy định về trách nhiệm của người được cung cấp thông tin phải bảo mật thông tin trong GDDT, tuân thủ các quy định pháp luật về dân sự, bảo đảm tính nguyên vẹn của chứng thư điện tử;...

Nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến nêu trên, UBTVQH nhận thấy các nguyên tắc quy định tại dự thảo Luật đã bao trùm nguyên tắc về quyền và lợi ích hợp

pháp của các bên tham gia giao dịch và việc bảo mật thông tin GDDT theo quy định của Luật này và Luật khác có liên quan (Bộ luật Dân sự, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng,...). Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia giao dịch, trong dự thảo Luật đã bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân tự nguyện lựa chọn công nghệ, phương tiện điện tử, chữ ký điện tử để thực hiện giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác tại Điều 4 dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc để khẳng định giá trị pháp lý của các thành tố (thông điệp dữ liệu, hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu) trong GDDT.

Về vấn đề này, UBTVQH thấy rằng, việc quy định giá trị pháp lý của các thành tố nêu trên đã được quy định trong dự thảo Luật¹² và tương đồng với Luật Mẫu về thương mại điện tử (Model Law on Electronic Commerce) năm 1996 của Liên Hợp Quốc (UNCITRAL). Như vậy, việc quy định các nguyên tắc nhằm khẳng định giá trị pháp lý của các thành tố tại Điều 4 trong dự thảo Luật là phù hợp. Do đó, UBTVQH xin không bổ sung nguyên tắc khẳng định giá trị pháp lý của các thành tố (thông điệp dữ liệu, hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu) trong GDDT vào dự thảo Luật.

1.5. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử (Điều 8)

Có ý kiến đề nghị quy định rõ hành vi nghiêm cấm “Cản trở hoạt động hợp pháp hoặc hỗ trợ hoạt động bất hợp pháp về giao dịch điện tử”; bổ sung cụm từ “cá nhân” sau cụm từ “tổ chức” tại khoản 7; “chứng thư điện tử” tại khoản 8; bổ sung hành vi nghiêm cấm “Làm lộ, lọt thông tin cá nhân khi chưa được sự cho phép hoặc thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có hoạt động giao dịch điện tử” ...

UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý, bổ sung các ý kiến xác đáng của ĐBQH đảm bảo đầy đủ, rõ ràng các hành vi nghiêm cấm và được thể hiện lại như Điều 8 dự thảo Luật.

Đối với ý kiến đề nghị bổ sung hành vi bị nghiêm cấm “Làm lộ, lọt thông tin cá nhân khi chưa được sự cho phép hoặc thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có hoạt động giao dịch điện tử”, UBTVQH nhận thấy nội dung này được điều chỉnh ở các luật như: Luật Công nghệ thông tin (khoản 2 Điều 12), Luật An toàn thông tin mạng (Điều 7), Luật An ninh mạng (điểm c khoản 1 Điều 18)... Do đó, UBTVQH xin không bổ sung hành vi nghiêm cấm nêu trên vào dự thảo Luật.

2. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về GDDT (Điều 7)

Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động GDDT; có ý kiến đề nghị làm rõ vai trò quản lý nhà nước về GDDT của cơ quan thuộc Chính phủ tại khoản 4 Điều 7; có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của Ban Cơ yếu Chính phủ tại Điều 7.

Về các ý kiến này, UBTVQH xin báo cáo như sau:

¹² Điều 10 (Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu); khoản 1 Điều 35 (Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử) và Điều 39 (Giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử).

UBTVQH đã chỉ đạo tổ chức nghiên cứu kỹ lưỡng về thực tiễn triển khai tại Việt Nam, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế¹³ và thấy rằng dự thảo Luật đã quy định tương đối rõ ràng việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về GDĐT (Điều 7). Nghiên cứu ý kiến ĐBQH và Bộ Quốc phòng¹⁴, Điều 7 dự thảo Luật đã được chỉnh lý, quy định rõ ràng hơn về trách nhiệm quản lý nhà nước về GDĐT, dự kiến như sau:

“1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo quy định của Luật này.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.”

Về ý kiến làm rõ vai trò quản lý nhà nước của cơ quan thuộc Chính phủ tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội, UBTVQH nhận thấy cơ quan thuộc Chính phủ¹⁵ tuy không phải là cơ quan quản lý nhà nước nhưng vẫn thực hiện một số trách nhiệm liên quan đến quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành¹⁶. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước nói chung, trách nhiệm của cơ quan thuộc Chính phủ nói riêng đã được quy định tại Chương V về Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước (từ Điều 40 đến Điều 45). Do đó, trên cơ sở ý kiến ĐBQH và kết luận của UBTVQH, dự thảo Luật đã bỏ khoản 4 Điều 7 dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội để bảo đảm chặt chẽ và thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Đối với ý kiến bổ sung nội dung *“bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của Ban Cơ yếu Chính phủ tại Điều 7”*, UBTVQH nhận thấy trong thời gian vừa qua Ban Cơ yếu Chính phủ đã triển khai có hiệu quả việc xây dựng hệ thống và cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước. Sau Kỳ họp thứ 4 của Quốc hội, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra nghiên cứu kỹ lưỡng, gửi lấy ý kiến Chính phủ về vấn đề này. Tại văn bản số 110/CP-PL ngày 07/4/2023, Chính phủ thống nhất với quan điểm tại dự thảo Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4; không quy định cụ thể Ban Cơ yếu Chính phủ vào Điều 7

¹³ Trên thế giới, cơ quan nhà nước ở Mỹ, Châu Âu và nhiều quốc gia khác dùng luôn chữ ký số công cộng đối với các hoạt động mang tính hành chính, dân sự. Rất ít quốc gia trên thế giới chia thành 2 hệ thống là dịch vụ chữ ký số công cộng và dịch vụ chữ ký số chuyên dùng cho cơ quan nhà nước (về thực tế triển khai cũng như văn bản hướng dẫn dưới Luật). Luật chữ ký điện tử số 17354 của Hàn Quốc có hiệu lực từ 10/12/2020, cũng giao trách nhiệm quản lý nhà nước cho Bộ Khoa học và Công nghệ thông tin truyền thông (MSIT). Theo đó, phần lớn quốc gia trên thế giới chỉ có một đầu mối cơ quan quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.

¹⁴ Công văn số 352/BQP-BCY ngày 12/02/2023 của Bộ Quốc phòng về bỏ cụm từ “giúp Chính phủ thống nhất” đồng thời bổ sung cụm từ *“chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện...”* vào sau cụm từ Bộ Thông tin và Truyền thông...

¹⁵ Là cơ quan do Chính phủ thành lập, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Chính phủ; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ và quyền hạn được giao (Điều 42, Luật Tổ chức Chính phủ).

¹⁶ Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Cơ yếu,...

dự thảo Luật¹⁷.

3. Về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu (mục 1 Chương II)

- Một số ý kiến đề nghị thể hiện rõ hơn về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu tại Điều 10.

Nghiên cứu tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo chỉnh lý Điều 10 dự thảo Luật trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu quy định tại Luật Mẫu về thương mại điện tử (Model Law on Electronic Commerce) năm 1996 của Liên Hợp Quốc.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ thông điệp dữ liệu được công chứng có tương đương với văn bản công chứng hay không?; có ý kiến đề nghị thể hiện lại khoản 3 cho phù hợp với Luật Công chứng.

Nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến xác đáng của ĐBQH, Điều 11 dự thảo Luật đã được chỉnh sửa theo hướng: Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết. Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản phải được công chứng, chứng thực thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.

- Có ý kiến đề nghị rà soát các luật liên quan để bảo đảm tính thống nhất trong việc xác định nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự, dân sự và hành chính công là dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức khác (Điều 13).

Về vấn đề này, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp các cơ quan hữu quan¹⁸ tổ chức làm việc, nghiên cứu kỹ lưỡng, tiếp thu ý kiến xác đáng của các vị ĐBQH. Trên cơ sở rà soát hệ thống pháp luật và tình hình triển khai thực tế, quy định tại Điều 13 đã được thống nhất chỉnh lý trong dự thảo Luật như sau:

“1. Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

2. Giá trị dùng làm chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu;

¹⁷ Lý do: Thứ nhất, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định quản lý về cơ yếu trong đó bao gồm hoạt động xây dựng và phát triển hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Đây là hoạt động xây dựng, phát triển một hệ thống cụ thể, cung cấp dịch vụ công về chữ ký số chuyên dùng; chữ ký số chuyên dùng Chính phủ không phải là một lĩnh vực độc lập, mà chỉ là một dạng của chữ ký điện tử có yêu cầu mức độ tin cậy cao. Đồng thời, tách bạch rõ ràng giữa hoạt động cung cấp dịch vụ với trách nhiệm quản lý nhà nước. Thứ hai, quản lý, triển khai hệ thống chữ ký số chuyên dùng Chính phủ không phải là một hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về cơ yếu. Theo Luật Cơ yếu, hoạt động cơ yếu là hoạt động cơ mật đặc biệt khác với mục tiêu của việc sử dụng chữ ký số là để xác nhận sự chấp thuận, chống chối bỏ của chủ thể ký đối với nội dung văn bản. Các giao dịch sử dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước không thuộc lĩnh vực bí mật nhà nước. Thứ ba, thống nhất một cơ quan đầu mối thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về chữ ký số: 1) công nhận và xác thực chữ ký điện tử nước ngoài, (2) kết nối, liên thông bảo đảm an toàn giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử trong nước với các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài; (3) xúc tiến các hoạt động hợp tác quốc tế với cơ quan quản lý tại quốc gia mà tổ chức đó đăng ký hoạt động.

¹⁸ Thường trực Ủy ban KH, CN & MT đã tổ chức làm việc với đại diện Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Bộ Công an, Tòa án Nhân dân tối cao...

cách thức bảo đảm và duy trì tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu và các yếu tố phù hợp khác.

3. Thông điệp dữ liệu được dùng làm chứng cứ theo quy định của pháp luật về tố tụng.”.

- Có ý kiến cho rằng cần quy định cụ thể về giá trị pháp lý của việc chuyển đổi từ bản giấy sang bản điện tử và ngược lại để phù hợp thực tiễn ngành ngân hàng, hải quan; đề nghị làm rõ bằng chứng khẳng định việc chuyển đổi.

Về nội dung này, UBNDVN đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp các cơ quan hữu quan¹⁹ tổ chức làm việc, nghiên cứu kỹ lưỡng, để nhận diện các vấn đề trong thực tế, tiếp thu ý kiến xác đáng của các vị ĐBQH và chỉnh lý các quy định này cho phù hợp. Do đó, Điều 14 đã được chỉnh lý như trong dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định “Cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép thay thế việc lưu trữ các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc...” vì quy định này chưa phù hợp với Luật Lưu trữ.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBNDVN đã chỉ đạo rà soát và chỉnh lý nội dung này tại khoản 2 Điều 15 dự thảo Luật như sau: “2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lựa chọn lưu trữ các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin dưới dạng văn bản giấy bằng việc lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu khi thông điệp dữ liệu đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều này”.

- Có ý kiến đề nghị rà soát quy định về lưu trữ thông điệp dữ liệu để đảm bảo tính thống nhất với Luật Lưu trữ.

UBNDVN đã chỉ đạo rà soát pháp luật về lưu trữ và pháp luật chuyên ngành có quy định liên quan đến lưu trữ như pháp luật về đất đai²⁰, về kế toán²¹,... Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, UBNDVN đề nghị chỉnh lý khoản 3 Điều 15 Dự thảo Luật như sau: “3. Nội dung, thời hạn lưu trữ đối với thông điệp dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định có liên quan của pháp luật về lưu trữ. Việc lưu trữ thông điệp dữ liệu có giá trị như lưu trữ văn bản giấy.”.

4. Về gửi nhận thông điệp dữ liệu (mục 2 Chương II)

- Có ý kiến đề nghị cần thể hiện lại quy định về khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của dự thảo Luật cho rõ ràng, cụ thể hơn; đề nghị bổ sung quy định trường hợp có lỗi hệ thống dẫn đến việc người gửi đã gửi và người nhận thì lại không nhận được để có căn cứ pháp lý giải quyết, xử lý vấn đề này.

¹⁹ Thường trực Ủy ban KH, CN & MT đã tổ chức khảo sát, hội thảo, tọa đàm, trao đổi trực tiếp với đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, các ngân hàng thương mại cổ phần, sản phẩm thương mại điện tử trong và ngoài nước; Hội Tin học Việt Nam và các doanh nghiệp công nghệ số.

²⁰ Điều 30 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định các loại tài liệu lưu trữ 05 năm và vĩnh viễn;

²¹ Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định 174/2016/NĐ-CP quy định các loại Tài liệu kế toán phải lưu trữ tối thiểu 5 năm, 10 năm, vĩnh viễn.

Nghiên cứu tiếp thu các ý kiến nêu trên, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra và cơ quan soạn thảo thể hiện lại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 dự thảo Luật theo hướng rõ ràng, cụ thể hơn về người khởi tạo thông điệp dữ liệu, về thời điểm, địa điểm gửi nhận thông điệp dữ liệu. Đồng thời, dự thảo Luật cũng đã quy định về dịch vụ tin cậy trong đó có dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm (khoản 2 Điều 33). Tổ chức, cá nhân khi sử dụng dịch vụ này sẽ xác định được người gửi, người nhận, thời gian gửi, nhận thông điệp dữ liệu... để làm căn cứ giải quyết, xử lý các vấn đề trách nhiệm pháp lý liên quan.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ thời điểm, địa điểm gửi, nhập thông điệp dữ liệu vào hệ thống thông tin (Điều 17); đề nghị chỉnh lý việc xác nhận đã nhận thông điệp dữ liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 để thống nhất với khoản 1 Điều 19; chỉnh sửa Điều 17, Điều 19 cho phù hợp với Luật Cư trú; bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của người trung gian khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu, ...

Nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến xác đáng của ĐBQH, trong dự thảo Luật đã chỉnh sửa và thể hiện như tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 dự thảo Luật

Về ý kiến “*bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của người trung gian khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu*”, UBTVQH nhận thấy Điều 16, Điều 18 dự thảo Luật đã quy định về miễn trừ trách nhiệm của người trung gian khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu. Bên cạnh đó, trách nhiệm của người trung gian trong từng lĩnh vực cụ thể cũng đã được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành, như pháp luật về ngân hàng, viễn thông, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thương mại,... Vì vậy, UBTVQH xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ địa điểm “thường xuyên làm việc” tại Khoản 2 Điều 17 và khoản 2 Điều 19.

Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, trong dự thảo Luật đã chỉnh sửa cụm từ “*thường xuyên làm việc*” thành “*thường xuyên thực hiện công việc*” để phù hợp với Bộ luật Dân sự (điểm d khoản 2 Điều 683) và pháp luật có liên quan.

5. Về chứng thư điện tử (mục 3 Chương II)

Có ý kiến đề nghị bổ sung những yếu tố cần thiết để xác định giá trị pháp lý của chứng thư điện tử ở nước ngoài đảm bảo sự toàn vẹn; đề nghị sửa điểm a khoản 2 Điều 21 nhằm khẳng định sự kiểm soát duy nhất bởi cá nhân, tổ chức sở hữu đối với chứng thư điện tử.

UBTVQH nhận thấy, việc xác định giá pháp lý chứng thư điện tử nước ngoài cần căn cứ vào các hiệp định, điều ước quốc tế và sự công nhận, thừa nhận lẫn nhau về chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉnh lý khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật để quy định các điều kiện đảm bảo chứng thư điện tử có giá trị như giấy tờ thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức.

6. Về chữ ký điện tử (mục 1 Chương III)

- Có ý kiến đề nghị cần làm rõ nội hàm của chữ ký số, chữ ký điện tử; đề nghị làm rõ các hình thức OTP, SMS hay sinh trắc học có phải là chữ ký điện tử không?

Về vấn đề này, UBTVQH xin báo cáo như sau:

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý nội dung giải thích từ ngữ về “*Chữ ký số*”, “*Chữ ký điện tử*” tại Điều 3. Hiện nay, các hình thức mã xác thực giao dịch qua tin nhắn điện tử (SMS), xác nhận mật khẩu dùng một lần (OTP), Token OTP, sinh trắc học, định danh người dùng bằng phương thức điện tử (eKYC)... được sử dụng tương đối phổ biến trong GDĐT. Tuy nhiên, các hình thức này chỉ được coi là chữ ký điện tử khi kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có khả năng xác nhận chủ thể ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của chủ thể đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký (quy định tại khoản 1 Điều 3).

Ngoài ra, Điều 24 dự thảo Luật đã quy định 03 hình thức chữ ký điện tử bao gồm: (1) chữ ký điện tử; (2) chữ ký điện tử dùng riêng và (3) chữ ký số để áp dụng cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng chữ ký điện tử khác nhau phù hợp với thực tiễn.

- *Có ý kiến đề nghị bổ sung một khoản quy định theo hướng các bên tham gia có quyền thảo luận và lựa chọn mức độ tin cậy của chữ ký điện tử khi giao dịch thương mại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (Điều 25).*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, tại Điều 4 dự thảo Luật đã bổ sung nguyên tắc theo hướng để các bên tham gia có quyền thoả thuận và lựa chọn không sử dụng hoặc sử dụng các hình thức khác nhau của chữ ký điện tử khi GDĐT; đồng thời bổ sung cụm từ “*trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” tại khoản 1 Điều 25 dự thảo Luật.

- *Có ý kiến đề nghị nghiên cứu đổi tên Điều 26 “Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ” thành “Chữ ký số chuyên dùng công vụ” cho phù hợp với phạm vi sử dụng chữ ký số chuyên dùng.*

Nghiên cứu ý kiến ĐBQH và từ thực tiễn triển khai tại Việt Nam, UBTVQH nhận thấy chữ ký số chuyên dùng Chính phủ đã và đang được sử dụng trong các hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, do Ban Cơ yếu Chính phủ²² cung cấp. Việc sử dụng thuật ngữ “*chuyên dùng Chính phủ*” chưa thể hiện rõ phạm vi sử dụng. Do đó, tiếp thu ý kiến ĐBQH, cụm từ “*... chuyên dùng Chính phủ*” đã được chỉnh lý thành “*... chuyên dùng công vụ*” để thể hiện rõ phạm vi sử dụng trong hoạt động công vụ. Đồng thời, việc sử dụng cụm từ này cũng phù hợp với khái niệm hoạt động công vụ đang được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, giá trị pháp lý chữ ký số chuyên dùng công vụ trong hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước phải được đảm bảo bằng chứng thư chữ ký số nhằm xác nhận, chống chối bỏ mối liên quan giữa chữ ký số với chủ thể ký chữ ký số. Vì vậy, UBTVQH đề nghị sửa tên Điều 26 thành “*Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ*”; đồng thời rà soát, chỉnh lý nội dung trong điều này và chỉnh lý cụm từ “*chứng thư*” tại các Điều 3, 28, 29, 34 của dự thảo Luật.

²² Khoản 3 Điều 6 Luật Cơ yếu quy định: “3. Ban Cơ yếu Chính phủ là cơ quan mật mã quốc gia, quản lý chuyên ngành về cơ yếu, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về cơ yếu.”.

Về vấn đề này, Chính phủ đã thống nhất như tại văn bản số 110/CP-PL ngày 07/4/2023.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ cơ quan có trách nhiệm quyền hạn trong hoạt động cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong dự thảo Luật; chỉnh lý khoản 1 Điều 26 theo hướng quy định chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được cung cấp bởi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

Về vấn đề này, trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Chính phủ²³, UBNDTVQH đề nghị giao thẩm quyền cho Chính phủ phân công cụ thể tổ chức cung cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ. Đồng thời, không quy định cụ thể tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong dự thảo Luật.

Vì vậy, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 dự thảo Luật được bổ sung, chỉnh lý như sau:

“Điều 26. Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng công vụ.

....

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

- Một số ý kiến đề nghị cần nhắc về chữ ký điện tử dùng riêng khi sử dụng phải đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông trong khi chữ ký điện tử này chỉ dùng trong nội bộ của tổ chức (Điều 27). Có ý kiến đề nghị có thể đưa ra các yêu cầu cụ thể về chữ ký điện tử dùng riêng thay vì phải đăng ký và xin chấp thuận.

UBNDTVQH xin báo cáo như sau:

Chữ ký điện tử dùng riêng do cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng trong nội bộ của cơ quan, tổ chức đó hoặc trong hoạt động chuyên ngành, lĩnh vực được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức và không nhằm mục đích kinh doanh. Chữ ký điện tử dùng riêng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử theo quy định. Bên cạnh đó, cơ quan, tổ chức có quyền đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký điện tử để khẳng định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử dùng riêng của mình. Để làm rõ hơn nội dung này, trong dự thảo Luật đã bổ sung khoản 2 Điều 27 theo hướng: *“Trường hợp tổ chức sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng muốn công nhận chữ ký điện tử dùng riêng là chữ ký điện tử dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn thì đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông để được cấp chứng nhận chữ ký điện tử dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn”*.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về cơ chế tự động công nhận chữ ký điện tử nước ngoài; làm rõ đối tượng sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài hiện diện tại Việt Nam; nghiên cứu bổ sung quy định về thủ tục công nhận tổ chức cung cấp chữ ký điện

²³ Văn bản số 110/CP-PL ngày 07/4/2023.

từ nước ngoài và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài, giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết thay vì giao Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn như trong dự thảo Luật.

Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế, UBTVQH nhận thấy cơ chế tự động công nhận chữ ký điện tử nước ngoài chưa có quốc gia nào áp dụng. Do đó, cần cân nhắc và tiếp tục nghiên cứu trước khi luật hoá và triển khai khi đủ điều kiện.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, trong dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 theo hướng “*đối tượng sử dụng là tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu giao dịch điện tử với đối tác nước ngoài mà chứng thư chữ ký điện tử của các tổ chức cung cấp dịch vụ trong nước chưa được công nhận tại nước đó.*”

Ngoài ra, việc giao Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cho việc công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài là phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, UBTVQH xin cho giữ quy định này như trong dự thảo Luật.

7. Về dịch vụ tin cậy (mục II Chương III)

- Có ý kiến cho rằng tên của Chương III chưa bao quát được nội hàm (chữ ký điện tử, dịch vụ tin cậy), đề nghị chỉnh lý cho phù hợp; đề nghị rà soát khoản 2 và khoản 4 Điều 29 quy định về dịch vụ tin cậy là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện cho phù hợp với Luật Đầu tư; đề nghị quy định rõ theo hướng khi doanh nghiệp hội đủ điều kiện thì cấp cả 03 loại dịch vụ tin cậy.

Tiếp thu các ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã chỉnh lý tên Chương III thành “*Chữ ký điện tử và Dịch vụ tin cậy*” bảo đảm bao quát nội hàm của Chương. Bên cạnh đó, quy định tại Điều 29 được chỉnh lý theo hướng dịch vụ tin cậy trong GDDT là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh. Đồng thời, dự thảo Luật giao Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp, gia hạn, thay đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép dịch vụ tin cậy. Doanh nghiệp được quyền đăng ký một hoặc các dịch vụ quy định tại Điều này.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ trách nhiệm Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ tin cậy (bao gồm chữ ký số chuyên dùng công vụ) có phù hợp không?

UBTVQH nhận thấy, chữ ký số chuyên dùng công vụ là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, được đảm bảo bởi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ hiện đang được Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp, không bao gồm việc ban hành quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Hiện nay, việc xây dựng, ban hành quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số đang được Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai²⁴. Như vậy,

²⁴ Thông tư số 06/2015/TT-BTTTT ngày 23/3/2015 quy định Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước; Thông tư số 16/2019/TT-BTTTT ngày 05/12/2019 quy định Danh

nếu giao cho cơ quan khác sẽ có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Do đó, việc giao Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng đối với dịch vụ tin cậy (bao gồm chữ ký số, chữ ký số chuyên dùng công vụ, dịch vụ chứng thực chữ ký số) trong dự thảo Luật là phù hợp.

- Có ý kiến đề nghị quy định theo hướng chỉ giao cho một cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp phép cho các tổ chức cung cấp dịch vụ; đề nghị làm rõ hơn đối với loại hình dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.

Về vấn đề này, UBTVQH thấy rằng, khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật trình Quốc hội quy định Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy trong đó có dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu bao gồm: (1) Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; (2) Dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm. Đồng thời, khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật còn quy định đối với dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo pháp luật về thương mại điện tử.

Pháp luật về thương mại điện tử hiện hành quy định Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử “là dịch vụ của bên thứ ba về lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của chứng từ điện tử do các bên khởi tạo trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng”, cũng là một phần của loại hình Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu đang được điều chỉnh tại văn bản cấp Nghị định và giao Bộ Công Thương cấp phép bằng hình thức thông báo xác nhận.

UBTVQH thấy rằng, với quy định như trong dự thảo Luật trình Quốc hội sẽ dẫn tới trường hợp một doanh nghiệp cung cấp cùng một loại hình Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu trong thương mại và các lĩnh vực khác phải cần hai giấy phép do hai cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp (Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông). Bên cạnh đó, Chính phủ²⁵ đã có ý kiến “Giao cho một cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp phép dịch vụ tin cậy tại dự thảo Luật để giảm thiểu thủ tục hành chính nhưng không làm thay đổi tổ chức, chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành.”.

Do đó, nghiên cứu tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đề nghị: (1) chỉ giao một cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tin cậy (khoản 3 Điều 29), trong đó bao gồm dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; (2) bổ sung nội dung chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 54 để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp đang cung cấp Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

- Một số ý kiến cho rằng hệ thống chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ là hệ thống thông tin cơ yếu và đòi hỏi phải có mức độ đảm bảo an toàn cao hơn chữ ký số công cộng; đề nghị làm rõ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa; Thông tư số 04/2019/TT-BTTTT ngày 05/7/2019 quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ,...

²⁵ Văn bản số 110/CP-PL ngày 07 tháng 4 năm 2023

công vụ (Điều 26) và tổ chức chứng thực điện tử quốc gia (Điều 34), trường hợp này có phát sinh tổ chức mới không?

Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo chính lý quy định về mức độ đảm bảo an toàn của chữ ký số công cộng tại khoản 3 Điều 26 trong dự thảo Luật theo hướng chữ ký số chuyên dùng công vụ phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với chữ ký số.

Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công vụ quy định tại Điều 26 và tổ chức chứng thực điện tử quốc gia tại Điều 34, UBTVQH nhận thấy tại khoản 4 Điều 30 Luật Giao dịch điện tử hiện hành đã quy định giao Chính phủ quy định thành lập các tổ chức nêu trên. Do đó, quy định này kế thừa các quy định của luật hiện hành. Cụ thể, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công vụ là tổ chức trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về cơ yếu; tổ chức chứng thực điện tử quốc gia là Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông. Các tổ chức này đã được thành lập và hoạt động từ năm 2007²⁶ và không thực hiện công tác quản lý nhà nước. Do đó, việc quy định các tổ chức này trong dự thảo Luật không làm phát sinh thêm các tổ chức, bộ máy mới.

UBTVQH xin tiếp thu ý kiến của ĐBQH, nghiên cứu, rà soát quy định lại khoản 4 Điều 34 để đảm bảo phân biệt rõ hoạt động quản lý nhà nước với hoạt động nghiệp vụ.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ các yêu cầu, tiêu chí về các cấp độ an toàn thông tin mạng.

UBTVQH nhận thấy, Luật An toàn thông tin mạng đã có quy định về cấp độ an toàn của hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin mạng. Đồng thời các văn bản dưới Luật An toàn thông tin mạng cũng đã quy định cụ thể cách xác định cấp độ an toàn thông tin, do đó không cần thiết phải bổ sung quy định yêu cầu, tiêu chí cụ thể về các cấp độ an toàn thông tin mạng vào dự thảo Luật. Ngoài ra, dự thảo Luật cũng đã có quy định dẫn chiếu đến pháp luật về an toàn thông tin mạng.

8. Về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử (từ Điều 35 đến Điều 39)

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử, về hợp đồng điện tử vô hiệu, cách giải quyết các tranh chấp phát sinh về hợp đồng điện tử, về thời điểm để khẳng định giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử; đề nghị nghiên cứu, bổ sung về chứng thực, công chứng trong các GDDT và hợp đồng điện tử; có ý kiến cho rằng dự thảo Luật còn thiếu quy định để chứng thực chủ thể hợp đồng có đủ năng lực chủ thể, năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện hay bị ép buộc.

UBTVQH thấy rằng hợp đồng điện tử chính là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu²⁷. Theo đó, những đề nghị nêu trên thuộc về nội dung của hợp đồng đã được quy định tại Bộ luật Dân sự và pháp luật chuyên ngành khác có quy định về hợp đồng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật này. Đồng

²⁶ Theo quy định tại Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007, Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 09/9/2014.

²⁷ Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu (Điều 33 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 này là Khoản 15 Điều 3 dự thảo Luật)

thời, thống nhất với quan điểm xây dựng Luật là chỉ quy định những thành tố cơ bản có giá trị pháp lý để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, không quy định lại nội dung, điều kiện, hình thức đã được pháp luật khác quy định. Vì vậy, UBND tỉnh xin được giữ quy định này như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định loại trừ trách nhiệm trong việc xác nhận, giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trong trường hợp bất khả kháng.

Về vấn đề này, UBND tỉnh nhận thấy Bộ luật Dân sự đã quy định việc miễn trừ trách nhiệm dân sự trong trường hợp bất khả kháng mà không loại trừ hình thức GDDT. Do đó, UBND tỉnh xin không bổ sung quy định này vào dự thảo Luật.

9. Về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước (Chương V)

- Có ý kiến đề nghị cần quy định về tính liên thông dữ liệu và cơ sở dữ liệu dùng chung, vấn đề chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý GDDT; bổ sung việc kết nối, chia sẻ thông tin với nền tảng định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP; quy định rõ hơn về một công dân có một mã định danh sử dụng trong GDDT.

Về tính liên thông dữ liệu và cơ sở dữ liệu dùng chung, bổ sung việc kết nối, chia sẻ thông tin với nền tảng định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP, UBND tỉnh xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm, phương thức, mô hình kết nối của cơ quan nhà nước đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia GDDT tại Điều 43. Theo đó, cơ quan nhà nước phải áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin của cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác dữ liệu, trừ trường hợp thông tin liên quan đến bí mật nhà nước hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong trường hợp không áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến, phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

Đối với nội dung về một công dân có một mã định danh sử dụng trong GDDT, UBND tỉnh thấy rằng thực tế khi thực hiện GDDT tổ chức, cá nhân có quyền có nhiều tài khoản GDDT khác nhau để thực hiện các giao dịch khác nhau theo quy định tại khoản 3 Điều 47. Đối với các giao dịch thủ tục hành chính, dịch vụ công thì tổ chức, cá nhân phải dùng tài khoản định danh điện tử duy nhất để thực hiện theo quy định của Nghị định 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Có ý kiến đề nghị rà soát về thẩm quyền quy định chi tiết danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia tại khoản 4 Điều 58 Luật Công nghệ thông tin với Điều 41 dự thảo Luật để đảm bảo tính thống nhất.

Tiếp thu ý kiến xác đáng của các vị ĐBQH, điểm d khoản 3 Điều 41 dự thảo Luật đã giao Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Đồng thời, bổ sung quy định “Nhà nước bảo đảm một phần hoặc toàn bộ kinh phí xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương” (khoản 5 Điều 41 dự thảo Luật) cũng như bãi bỏ các quy định tại Điều 58 về Cơ sở dữ

liệu quốc gia của Luật Công nghệ thông tin và rà soát dự thảo Luật để đảm bảo tính thống nhất với Luật Công nghệ thông tin.

- Có ý kiến cho rằng Luật này sẽ bãi bỏ nhiều quy định của các cơ sở dữ liệu, do đó, cần có quy định về điều khoản chuyển tiếp để duy trì nối tiếp các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát chỉnh lý dự thảo Luật khi bãi bỏ Điều 58 về cơ sở dữ liệu quốc gia và Điều 59 về cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương của Luật Công nghệ thông tin, đảm bảo các nội dung tại hai điều này đã được chuyển tải đầy đủ tại Điều 41 dự thảo Luật. Theo đó, các cơ sở dữ liệu hiện hành vẫn tiếp tục được triển khai, duy trì mà không bị ảnh hưởng trên thực tế.

- Có ý kiến đề nghị cần nhắc quy định “dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia thì có giá trị tương đương các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp” và được “sử dụng chính thức” (Điều 41).

UBTVQH nhận thấy ý kiến của ĐBQH là xác đáng, thông điệp dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 14 tùy từng trường hợp khi đáp ứng các điều kiện thì sẽ được xác định giá trị tương ứng.

- Có ý kiến đề nghị phân loại rõ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước, bổ sung quy định về giấy phép sử dụng và quyền tương ứng cho dữ liệu mở để doanh nghiệp và người dân dễ sử dụng, khai thác dữ liệu mở của cơ quan nhà nước và phát triển kinh tế số (Điều 44).

Về phân loại rõ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước, UBTVQH nhận thấy Điều 44 dự thảo Luật đang quy định “Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ”. Theo đó, các Bộ, ngành sẽ công bố dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực của mình. Để đảm bảo tính linh hoạt thay vì bổ sung quy định phân loại dữ liệu mở của cơ quan nhà nước, dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết dữ liệu mở của cơ quan nhà nước và các điều kiện bảo đảm thực hiện công bố dữ liệu mở.

Về việc bổ sung quy định về giấy phép sử dụng và quyền tương ứng cho dữ liệu mở để doanh nghiệp dễ sử dụng, khai thác dữ liệu mở, UBTVQH xin được báo cáo như sau: việc bổ sung quy định về giấy phép sử dụng sẽ tạo rào cản đối với người dân, doanh nghiệp sử dụng, khai thác dữ liệu mở. Trong khi khoản 3 Điều 44 dự thảo Luật đã quy định “Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, không yêu cầu khai báo định danh khi khai thác, sử dụng dữ liệu mở”. Bên cạnh đó, việc thu thập, quản lý, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu, hiện nay, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Tiếp cận thông tin và các Nghị định²⁸ đã điều chỉnh toàn diện nội dung này. Do đó, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

²⁸ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; Nghị định 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;...

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về việc sử dụng tài liệu điện tử trong cơ quan nhà nước; bổ sung quy định về nguyên tắc bắt buộc các cơ quan nhà nước phải tiếp nhận xử lý GDĐT của người dân và doanh nghiệp.

UBTVQH xin tiếp thu ý kiến xác đáng nêu trên và chỉnh lý khoản 2 và khoản 3 Điều 43 dự thảo Luật theo hướng các hoạt động của cơ quan nhà nước ưu tiên thực hiện khép kín toàn bộ quá trình dịch vụ từ đầu đến cuối (toàn trình) trên môi trường điện tử; bảo đảm toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc văn bản giấy không thuộc phạm vi bí mật nhà nước đều có bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy; sẵn sàng có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sử dụng, thúc đẩy GDĐT; phải tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử, trường hợp không tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do bằng văn bản và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ tính khả thi cũng như nguồn kinh phí để triển khai thực hiện quy định này khoản 4 Điều 45.

Về nội dung này, UBTVQH xin làm rõ như sau:

Về nguồn lực bảo đảm thi hành đối với chính sách thuê chuyên gia, khoản 4 Điều 45 của dự thảo Luật đã đề cập đến kinh phí thuê chuyên gia được cấp từ ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật phục vụ quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, các hệ thống thông tin phục vụ GDĐT của cơ quan nhà nước. Các nội dung quy định kinh phí này là cần thiết và sẽ được bảo đảm theo các nhiệm vụ, dự án thuộc các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương và tuân thủ các quy định pháp luật về phân bổ, quản lý ngân sách nhà nước.

10. Về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử (Chương VI)

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc về quy định về tài khoản định danh điện tử tại Điều 48 vì được điều chỉnh tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử; có ý kiến đề nghị đối chiếu Luật Căn cước công dân (sửa đổi) do Bộ Công an đang chủ trì xây dựng, trong đó cũng có quy định về định danh và xác thực điện tử.

Nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến nêu trên, UBTVQH đề nghị bỏ quy định về tài khoản định danh điện tử (Điều 48) và chỉnh lý nội dung khoản 3 Điều 49 vì: (1) Nghị định số 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử vừa mới được Chính phủ ban hành ngày 05/9/2022, cần có thời gian tổ chức thực hiện, tổng kết đánh giá trước khi được luật hóa; (2) đồng thời, Chính phủ đang trình Quốc hội dự án Luật Căn cước trong đó có nội dung này. Mặt khác, việc bỏ Điều 48²⁹ và đồng thời chỉnh lý khoản 3 Điều 49 trong dự thảo Luật sẽ đảm bảo tính

²⁹ Ngày 13/01/2023 và ngày 02/02/2023, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT tổ chức các cuộc họp làm việc với một số bộ, ngành, cơ quan liên quan (Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Văn phòng Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ, Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp, Ủy ban Quốc phòng và An ninh) đã thống nhất về đề nghị này.

thống nhất, không có sự trùng lặp trong hệ thống pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trường hợp thông tin vi phạm trên nền tảng số được bắt nguồn từ người sử dụng dịch vụ, nhà cung cấp nền tảng số sẽ không phải chịu trách nhiệm về thông tin được lưu trữ theo yêu cầu của người nhận dịch vụ, quy định chi tiết biện pháp khắc phục, xử lý; bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ của người trung gian trong GDDT liên quan đến bảo mật thông tin trong GDDT, trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian, tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy...; bổ sung tiêu chuẩn, cách thức lựa chọn bên trung gian cung cấp nền tảng để tiến hành giao dịch, giao kết hợp đồng điện tử; quy trình, cách thức phối hợp giữa chủ quản hệ thống thông tin với cơ quan nhà nước trong việc xử lý các trường hợp thông tin vi phạm pháp luật.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến các vị ĐBQH, UBNDTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra và các cơ quan có liên quan rà soát, chỉnh lý các quy định tại Chương VI về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử. Cụ thể, Điều 48 về trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin đã được chỉnh lý, bảo đảm cụ thể, rõ ràng, phù hợp, không quy định lại các quy định đã có tại các luật có liên quan như: Luật Công nghệ thông tin, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng.

- Có ý kiến đề nghị xem xét tính khả thi của điểm b, điểm c khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 48 về trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin; có ý kiến cho rằng quy định tại điểm b khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 48 chưa phù hợp đối với trường hợp ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ trên nền tảng số; quy định cụ thể các loại hình kinh doanh cần báo cáo với Bộ Thông tin và Truyền thông; quy định cụ thể trách nhiệm giám sát, quản lý hệ thống thông tin phục vụ GDDT của các cơ quan nhà nước có liên quan; có ý kiến đề nghị cân nhắc Điều 52 để không chồng chéo với quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, ...

UBNDTVQH thấy rằng các ý kiến ĐBQH là xác đáng. Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, trong dự thảo Luật đã thay hình thức giám sát trực tuyến bằng hình thức cung cấp thông tin bằng phương tiện điện tử tại điểm b khoản 1 Điều 48 và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung trên, đảm bảo khả thi, phù hợp với quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Quảng cáo và Dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (đang trình Quốc hội).

Về ý kiến đề nghị cân nhắc Điều 52 để không chồng chéo với pháp luật về an toàn, an ninh mạng, UBNDTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu thấy rằng các biện pháp bảo vệ GDDT đã được quy định đầy đủ tại Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng. Do đó, UBNDTVQH đề xuất bỏ Điều 52 ra khỏi dự thảo Luật, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Đề nghị điều chỉnh tên Chương VI Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử thành Chương Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý thực hiện giao dịch điện tử.

Về vấn đề này, UBNDTVQH xin báo cáo như sau: Nội dung của Chương VI không chỉ đề cập trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến

việc sử dụng, quản lý hệ thống thông tin, mà còn quy định về phân loại hệ thống thông tin, nền tảng số, tài khoản giao dịch điện tử là những cấu thành hạ tầng kỹ thuật phục vụ giao dịch điện tử. Do đó, xin được giữ nguyên tên Chương như dự thảo Luật.

11. Về an toàn thông tin và an ninh mạng trong giao dịch điện tử (Chương VII)

Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể hơn trong dự thảo Luật về an toàn thông tin và an ninh mạng trong GDĐT để bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng, quy định về quản lý hạ tầng, thiết bị cho GDĐT, mã hóa dữ liệu đường truyền hoặc giả mạo dữ liệu khi gửi tin, phân cấp độ rủi ro; rà soát quy định cụ thể để bảo đảm quy định đầy đủ quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia GDĐT, biện pháp bảo vệ, bảo mật thông tin cá nhân; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tránh bị ngụy tạo.

Về vấn đề này, UBTVQH xin báo cáo như sau: Luật An toàn thông tin mạng đã có 01 mục tại Chương II quy định về bảo vệ thông tin cá nhân (trong đó quy định về: Nguyên tắc bảo vệ, thu thập và sử dụng, cập nhật, sửa đổi và hủy bỏ, bảo đảm an toàn thông tin và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng) và Điều 26 Luật An ninh mạng đã quy định bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng trong đó quy định trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam. Theo quy định của hai Luật này, Chính phủ có trách nhiệm quy định chi tiết việc bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường mạng. Do đó, UBTVQH nhận thấy việc quy định về an toàn, an ninh mạng trong GDĐT quy định tại Chương VII dự thảo Luật đã đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

12. Một số nội dung khác

- Có ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung quy định chung về quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong GDĐT; có ý kiến cho rằng cần cung cấp hành lang pháp lý thông thoáng và an toàn tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức và các thành phần trong xã hội tham gia thực hiện các GDĐT; đề nghị tiếp tục quy định bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước... như Luật hiện hành; có ý kiến cho rằng cần đề cao vai trò, trách nhiệm của các bên khi thực hiện GDĐT.

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy dự thảo Luật quy định các thành tố cơ bản về công nghệ, kỹ thuật để thực hiện các giao dịch trên môi trường số, đảm bảo GDĐT an toàn, tin cậy, có giá trị pháp lý; không quy định lại nội dung, điều kiện của giao dịch đã được pháp luật khác quy định. Đồng thời, dự thảo Luật cũng đã quy định rõ nội dung quản lý nhà nước về GDĐT (Điều 6) và phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về GDĐT (Điều 7). Do đó, UBTVQH xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

Bên cạnh đó UBTVQH thấy rằng các nguyên tắc quy định tại dự thảo Luật (từ khoản 1 đến khoản 4) của Điều 4 đã quy định bao trùm các nguyên tắc quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch và quyền và lợi ích của nhà nước,... Ngoài ra, khoản 1, khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự và Điều 4 Luật An toàn thông tin mạng đã quy định các nguyên tắc này. Để đảm bảo quyền lợi của

các bên tham gia giao dịch UBTVQH đã bổ sung thêm nguyên tắc về quyền lựa chọn sử dụng chữ ký điện tử vào khoản 2, Điều 4 dự thảo Luật.

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về xử lý, giải quyết tranh chấp trong GDĐT, hợp đồng điện tử. Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể để làm rõ tính chất, mức độ vi phạm và chế tài phù hợp đối với từng mức độ vi phạm hoặc quy định cụ thể dẫn chiếu đến luật chuyên ngành về phương thức giải quyết tranh chấp đặc thù liên quan đến việc ký kết và thực hiện GDĐT.

UBTVQH xin giải trình như sau: Khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: “*Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới.*”. Xuất phát từ phạm vi điều chỉnh, Luật này không quy định về nội dung, điều kiện, hình thức của giao dịch vì vậy mọi tranh chấp, vi phạm nếu có sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành điều chỉnh chính giao dịch đó (pháp luật về dân sự, thương mại, sở hữu trí tuệ, đất đai...) đều có các quy định về giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm hành chính. Do đó, UBTVQH đề nghị không bổ sung các quy định về xử lý, giải quyết tranh chấp trong GDĐT, hợp đồng điện tử vào dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định thời điểm Luật có hiệu lực.

Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã bổ sung, chỉnh lý tại khoản 1 Điều 54 như trong dự thảo Luật. Theo đó, dự thảo Luật dự kiến có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

*

* *

Ngoài các vấn đề trên đây, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan rà soát, hoàn thiện văn phong pháp lý, sắp xếp, bố cục lại dự thảo Luật cho hợp lý và lô gic hơn. Dự thảo Luật sau khi tiếp thu, chỉnh lý gồm **08** Chương, **54** Điều.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), Ủy ban Thường vụ Quốc hội kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chính phủ;
- Các Bộ: TTTT, Tư pháp;
- TT các Ủy ban: KH, CN&MT; PL;
- Lưu: HC, KHCNMT.

E-pas:

Nguyễn Đức Hải